

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Duy Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Khoái

Bà Bùi Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở toà án nhân dân huyện A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 926/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn N; trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A chị Phạm Thị H trình bày:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trịnh Văn N kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 07 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không có quan điểm chung, anh N mãi chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 8 năm 2017, xét thấy không thể sống chung anh N được nữa, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết cho chị H được ly hôn anh Trịnh Văn N.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trịnh Văn N có 01 con chung là Trịnh Minh N, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2014, ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị H trình bày chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Lời khai của anh Trịnh Văn N thể hiện nội dung: Thống nhất với chị H về thời gian và điều kiện kết hôn và xác định vợ chồng có mâu thuẫn, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả, từ tháng 8 năm 2017, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh N đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ; về con chung, anh N thống nhất với chị H về việc vợ chồng có 01 con chung về họ tên tuổi, anh N đề nghị giao con anh N cho bố mẹ anh N nuôi dưỡng; về tài sản công nợ và các vấn đề khác anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, anh Trịnh Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tham gia tố tụng tại tòa là đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn N, giao cho chị H được nuôi con chung Trịnh Minh N, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trịnh Văn N, chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn anh Trịnh Văn N: Anh Trịnh Văn N vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Văn N.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị H:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Trịnh Văn N, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 11 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, Hải Phòng, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của các đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống chị H và anh N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai người không hợp nhau, không thông cảm, chia sẻ với nhau, anh N không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình trạng cuộc sống chung của vợ chồng luôn nặng nề, căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài, mặc dù gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, tháng 8 năm 2017 chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của chị H, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là Trịnh Minh N, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2014, chị H có nguyện vọng được nuôi con, anh N đề nghị giao con cho bố mẹ anh N nuôi dưỡng. Xét quyền và nghĩa vụ nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn là cha mẹ; chị H là mẹ cháu Minh N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) trên tháng, đảm bảo được điều kiện nuôi con. Nên căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trịnh Minh N cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn N;

2- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được quyền nuôi dưỡng con Trịnh Minh N, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2014, đến khi đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trịnh Văn N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0016764 ngày 02 tháng 4 năm 2018, của Chi cục Thi hành án huyện A, chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trịnh Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- Chi cục thi hành án huyện A;
- UBND xã M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt